

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU RÁC THẢI NHỰA TRONG SINH HOẠT TẠI THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH, TỈNH HOÀ BÌNH

Dương Thị Bích Ngọc¹, Lê Thanh Tùng¹

¹Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Ô nhiễm rác thải nhựa (RTN) hay “ô nhiễm trắng” đang là một vấn đề thách thức với các nhà quản lý môi trường tại Việt Nam nói riêng và trên toàn thế giới nói chung. Nghiên cứu này thực hiện thông qua phương pháp phỏng vấn cho bốn đối tượng là các hộ gia đình (246), hộ kinh doanh (60), hộ thu mua phế liệu (12) và cán bộ quản lý môi trường (12) tại sáu phường thuộc thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình. Kết quả cho thấy túi nilon được nhận định là thành phần RTN thải ra nhiều nhất trong ngày, tiếp theo là chai nhựa, cốc nhựa, ống hút, hộp xốp và các sản phẩm khác; trung bình người dân thải ra khoảng 14,23 g/người/ngày RTN. Gần 58% người dân có thói quen phân loại rác nhưng mức độ làm thường xuyên chỉ đạt 36,5%. Gần 58% người được hỏi và trả lời không biết về tác hại của RTN, điều này cho thấy nhận thức về vấn đề này còn nhiều hạn chế. 61% người được hỏi lựa chọn giá thành rẻ hơn là yếu tố quyết định cho việc phổ biến hoá các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường. Từ các kết quả trên nghiên cứu đề xuất công tác tuyên truyền về tác hại của RTN, công tác phân loại RTN và sử dụng các sản phẩm túi thân thiện hơn với môi trường cần được khuyến khích và thực hiện hiệu quả hơn.

Từ khoá: Hoà Bình, ô nhiễm môi trường, ô nhiễm trắng, rác thải nhựa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ô nhiễm rác thải nhựa (RTN), hay còn gọi là “ô nhiễm trắng” (“white pollution”), đang ngày càng trở nên nghiêm trọng tại Việt Nam (Truong Thanh Hai and Vu Nam, 2019). Theo số liệu thống kê với 88% lượng RTN không được kiểm soát, Việt Nam nằm trong nhóm các nước quản lý RTN kém hiệu quả nhất thế giới. Điều này đã đẩy Việt Nam đứng thứ 3 năm 2010 và dự báo sẽ đứng thứ 2 năm 2025 (cùng với Philippin, sau Trung Quốc và Indonesia) thải nhiều RTN nhất thế giới (Jambeck et al., 2015). RTN gây nhiều tác hại nghiêm trọng cho môi trường, đặc biệt là môi trường biển (Vegter et al., 2014), do khoảng 80% lượng RTN có nguồn gốc từ đất liền thường bị trôi ra biển (Allsopp et al., 2006). Việt Nam là một quốc gia có bờ biển trải dài với gần 3300 km thì vấn đề RTN trở thành một vấn đề rất khó khăn trong quản lý để đảm bảo môi trường biển xanh và sạch. Ví dụ lượng RTN tại kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè (một trong 4 kênh chính của sông Sài Gòn) RTN chiếm 11 - 43% rác thải sinh hoạt và khoảng 0,96 - 19,96 g/người/ngày RTN thải xuống sông Sài Gòn (Lahens et al., 2018). Tại Việt Nam, ước lượng RTN thất thoát ra ngoài môi trường là khoảng 5 kg/người/năm, tương đương 0,3 - 0,7 triệu tấn/năm (Trần Thu Hương, 2019). Đặc

biệt phế liệu nhựa nhập khẩu tăng 400% giai đoạn 2016-2018 khi Trung Quốc cấm nhập khẩu nguyên liệu này để tái chế (Hải quan Việt Nam, 2018).

Do nhựa là hợp chất cao phân tử, rất khó phân huỷ trong môi trường nên tồn tại lâu dài, đặc biệt vi nhựa có khả năng đi vào chuỗi thức ăn gây các tác động nghiêm trọng tới sinh vật và sức khoẻ con người. Nghiên cứu của Engler R E (2012) và Qi et al. (2020) đã chỉ ra một chai nhựa cần khoảng 400 năm để phân huỷ, quá trình phân huỷ tạo ra các hạt vi nhựa, các hạt này dễ dàng di chuyển trong môi trường nước, đất. Khi đó các sinh vật tự nhiên (ví dụ trên biển) hay động thực vật trong hệ sinh thái nông nghiệp sẽ dễ dàng bị hấp thụ. Từ đó vi nhựa bị tích tụ trong cơ thể con người khi chúng ta sử dụng các sản phẩm trên làm nguồn thức ăn. Vi nhựa có thể là nguyên nhân gây ung thư vú; các bệnh tim mạch, phổi và thận; ảnh hưởng quá trình trao đổi chất, rối loạn thần kinh và tâm thần (Claudia Campanale et al., 2020).

Trong bối cảnh RTN không ngừng ra tăng như hiện nay, chúng tôi tiến hành nghiên cứu hiện trạng RTN và đề xuất biện pháp giảm thiểu tại thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình nhằm góp phần quản lý RTN bền vững hơn cho khu vực nghiên cứu nói riêng và toàn quốc nói chung.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp kế thừa tài liệu được áp dụng trong việc thu thập thông tin về số nhân khẩu tại mỗi phường nghiên cứu. Thu thập các kết quả nghiên cứu trước đây để so sánh, phân tích và đánh giá.

Phương pháp khảo sát thực tế được áp dụng nhằm mục đích lựa chọn địa điểm nghiên cứu và đối tượng phỏng vấn. Địa điểm nghiên cứu là sáu phường: Phường Lâm, Đồng Tiến, Chăm Mát, Tân Thịnh, Hữu Nghị và Thịnh Lang thuộc thành phố Hoà Bình. Các phường này có

mật độ dân số khác nhau, hoạt động kinh tế đa dạng và nằm rải rác quanh thành phố.

Phương pháp phỏng vấn được thiết kế thông qua bảng hỏi, trong đó có sử dụng kết hợp nhiều loại như câu hỏi Có/Không, lựa chọn và câu hỏi mở. Các câu hỏi tập trung vào tìm hiểu về nhận thức, quản lý RTN. Sự sẵn lòng và các yếu tố ảnh hưởng đến việc tăng cường sử dụng các sản phẩm thân thiện hơn với môi trường để thay thế cho các sản phẩm nhựa dùng một lần trong sinh hoạt. Tóm tắt các câu hỏi được thể hiện tại bảng 1.

Bảng 1. Các câu hỏi chính được sử dụng trong phỏng vấn

Cô/chú xin vui lòng cho biết sản phẩm nhựa dùng một lần thường thải ra nhiều nhất trong ngày:

Túi nilon Chai nhựa Cốc nhựa Ống hút Hộp xốp Sản phẩm khác

Cô/chú có phân loại riêng sản phẩm nhựa để bán/cho những người thu gom phế liệu (đồng nát) không?

Có Không

Nếu Có phân loại thì cô/chú làm: thường xuyên hay thỉnh thoảng

Cô/chú có biết tác hại của các sản phẩm nhựa dùng một lần đối với sức khoẻ con người và môi trường không? Có Không

Nếu Có cô/chú vui lòng cho một vài ví dụ về tác hại của sản phẩm nhựa:

Cô/chú có sẵn lòng sử dụng các sản phẩm thân thiện hơn với môi trường để thay thế sản phẩm nhựa dùng một lần không? Có Không

Nếu Có thì theo cô/chú tiêu chí nào dưới đây là quan trọng nhất cho sản phẩm thay thế đó:

1. Giá phải rẻ hơn hoặc bằng sản phẩm nhựa một lần
2. Tiện lợi bằng hoặc hơn sản phẩm nhựa một lần
3. Quảng cáo rộng rãi đến người tiêu dùng
4. Thái độ sẵn sàng đón nhận của người tiêu dùng

Ngoài ra chúng tôi có kết hợp phỏng vấn sâu thông qua các cuộc đối thoại trực tiếp với đối tượng được phỏng vấn để tìm hiểu rõ hơn các nội dung nghiên cứu. Ví dụ với hộ kinh doanh: có được giới thiệu hay có quan tâm đến các sản phẩm thân thiện hơn với môi trường không?...

với cán bộ quản lý môi trường: ước lượng RTN, tình hình quản lý, các hoạt động tuyên truyền?...; với hộ thu gom phế liệu: ước lượng về thu mua RTN, thu nhập từ thu mua RTN so với các phế liệu khác?...

Bảng 2. Đặc điểm các đối tượng phỏng vấn tại mỗi phường

| STT | Đối tượng | Số lượng/phường (người) | Cách thức lấy mẫu |
|---|---------------------|-------------------------|--|
| 1 | Hộ gia đình | 41 | Chọn ngẫu nhiên theo số nhà. |
| 2 | Hộ kinh doanh | 10 | Các hộ sử dụng nhiều rác thải nhựa dùng một lần như quán bán chè, cháo dinh dưỡng, xôi... và một số đại lý bán tạp phẩm. |
| 3 | Cán bộ môi trường | 2 | Cán bộ phụ trách môi trường. |
| 4 | Hộ thu gom phế liệu | 2 | Đại lý thu mua phế liệu. |
| Tổng đối tượng phỏng vấn tại 06 phường | | | 330 |

Bốn đối tượng được lựa chọn trong nghiên cứu này là hộ gia đình, hộ kinh doanh, hộ thu mua phế liệu, và cán bộ quản lý môi trường, phỏng vấn trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2020. Với ba nhóm đối tượng tác giả hỏi trực tiếp, với nhóm hộ gia đình tác giả chọn phương pháp phát phiếu và thu lại phiếu tại hộ sau 1 tuần. Chi tiết về đặc điểm các đối tượng phỏng vấn được thể hiện tại bảng 2.

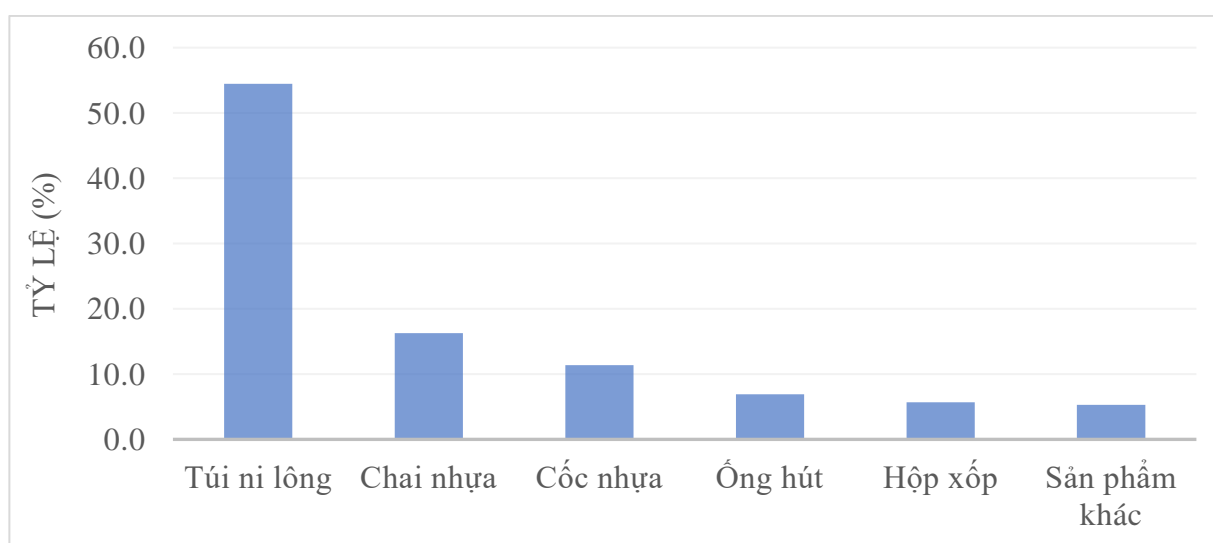
Kết quả nghiên cứu được tính toán, tổng hợp và biểu diễn bằng phần mềm Excel.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiện trạng rác thải nhựa

a) Thành phần rác thải nhựa trong sinh hoạt

Khi được hỏi về sản phẩm nhựa dùng một lần thường thải ra nhiều nhất trong ngày thì túi nilon chiếm tỷ lệ nhiều nhất với gần 55% người được hỏi chọn, tiếp theo là chai nhựa với hơn 16% còn lại là cốc nhựa, ống hút, hộp xốp và các sản phẩm khác lần lượt chiếm 11,4; 6,9; 5,7; và 5,3% (Hình 1). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu tổng hợp tác giả Trần Thu Hương (2019) tại Việt Nam, theo đó rác thải nhựa chiếm tỷ lệ lớn nhất là túi nilon.



Hình 1. Tỷ lệ người được phỏng vấn lựa chọn loại RTN thải ra nhiều nhất trong ngày

b) Lượng rác thải nhựa phát sinh và công tác phân loại

Theo ước lượng của các cán bộ quản lý môi trường thì lượng RTN mỗi ngày tại các phường giao động từ 68 kg/ngày (Phường Tân Thịnh) đến 170 kg/ngày (Phường Đồng Tiến), tính trung bình mỗi phường là 123 kg/ngày. Phường Đồng Tiến thải ra nhiều nhất do đây là phường có mật độ dân số cao của thành phố Hòa Bình và tập trung rất nhiều các công ty và các hoạt động kinh doanh.

RTN bình quân đầu người tại sáu phường nghiên cứu là 14,23 g/người/ngày (Bảng 3). So với trung bình cả nước 15,95 g/người/ngày, tỉnh Quảng Ninh 10,00 g/người/ngày, TP. Hồ Chí

Minh 22,24 g/người/ngày (Trần Thu Hương, 2019), TP Cần Thơ 17,24 g/người/ngày (Nguyen Phuc Thanh et al., 2011), thì khu vực nghiên cứu lượng RTN không quá cao. Tỷ lệ RTN thất thoát ra môi trường tại các tỉnh Việt Nam giao động từ 8,3 - 13% (Trần Thu Hương, 2019), theo ước lượng của Quantis & EA (2019) là 10%. Nếu chọn 10% thì RTN thất thoát ra ngoài môi trường (ví dụ môi trường đất, các con sông...) cho khu vực nghiên cứu sẽ là 1,423 g/người/ngày tương đương 0,52 kg/người/năm. Do tác hại lâu dài của RTN thì đây là một nguồn gây ô nhiễm rất cần được quan tâm tại khu vực nghiên cứu nói chung và toàn quốc nói riêng.

Bảng 3. Số lượng và tỷ lệ phân loại RTN tại 6 phường nghiên cứu

| STT | Tên phường | Số nhân khẩu (người) | RTN (kg/ngày) | Phân loại RTN | |
|---------------------------------------|------------|-----------------------------|------------------|---------------|--------------|
| | | | | Có (%) | Không (%) |
| 1 | Phương Lâm | 10.517 | 125 | 68,3 | 31,7 |
| 2 | Đông Tiến | 10.712 | 170 | 58,5 | 41,5 |
| 3 | Tân Thịnh | 8.606 | 68 | 31,7 | 68,3 |
| 4 | Hữu Nghị | 9.315 | 125 | 19,5 | 80,5 |
| 5 | Thịnh Lang | 4.534 | 130 | 85,4 | 14,6 |
| 6 | Chăm Mát | 8.165 | 120 | 70,7 | 29,3 |
| RTN bình quân nhân khẩu | | 14,23 (g/người/ngày) | | | |
| Tỷ lệ phân loại RTN trung bình | | | | 55,7 | 44,3 |

Trung bình 55,7% người dân được hỏi có phân loại riêng RTN (Bảng 3), so với nghiên cứu của Trần Thu Hương (2019) cho một số tỉnh khác trong cả nước là 31% thì khu vực nghiên cứu có tỷ lệ phân loại cao hơn rất nhiều. Đây là một tín hiệu đáng mừng vì người dân đã có ý thức tách riêng rác thải khó phân huỷ và giảm thiểu việc xả rác ra môi trường. Tuy nhiên, trong số đó chỉ có 36,5% phân loại thường xuyên còn lại 63,5% cho biết chỉ thỉnh thoảng mới làm.

Theo quan sát và phỏng vấn sâu thì RTN được tập kết chung với tất cả các loại rác thải sinh hoạt khác và chôn lấp tại bãi rác Lương Sơn, thành phố Hoà Bình, nhưng bãi rác này cũng không được chôn lấp hợp vệ sinh. Các hộ thu mua phế liệu cũng không quan tâm nhiều tới RTN vì theo họ lợi nhuận thường thấp hơn nhiều so với các loại phế liệu khác (ví dụ: sắt

vụn, đồ điện tử), các hộ kinh doanh cũng ít có cơ hội tiếp cận các sản phẩm thân thiện hơn với môi trường, hoặc nếu có thì giá cả các sản phẩm đó thường cao hơn khá nhiều so với sản phẩm nhựa khác cùng chức năng. Như vậy, vấn đề giảm thiểu RTN còn nhiều thách thức.

c) Nhận thức về rác thải nhựa và sản phẩm thay thế thân thiện hơn với môi trường

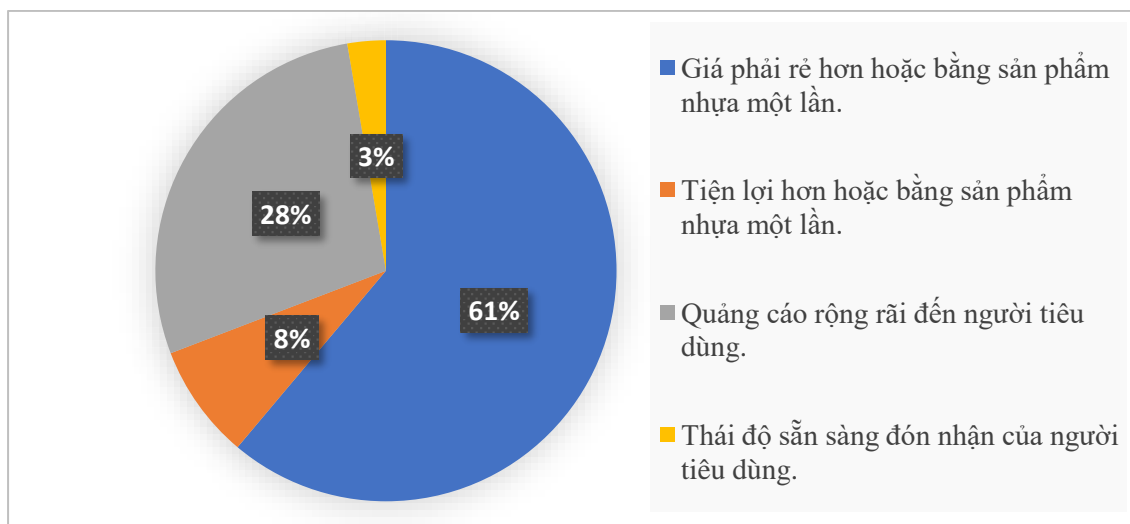
Qua bảng 4 dưới đây cho thấy hơn một nửa (sấp xỉ 58%) các đối tượng được hỏi trả lời không biết về tác hại của RTN. Trong đó gần 55% hộ gia đình không biết về tác hại của túi nilon. Đặc biệt, cùng câu hỏi này kết quả phỏng vấn cán bộ quản lý môi trường thì cũng lên tới 42% (5/12). Không những nhận thức về tác hại của RTN của người dân hạn chế mà của chính cán bộ quản lý môi trường cũng còn nhiều bất cập. Điều này cho thấy công tác tuyên truyền về RTN còn nhiều khoảng trống cần cải thiện.

Bảng 4. Nhận thức về tác hại của rác thải nhựa tại sáu phường nghiên cứu.

| STT | Đối tượng phỏng vấn (Tổng số đối tượng) | Nhận thức về tác hại của rác thải nhựa | |
|-------------------|--|--|----------------|
| | | Có biết (%) | Không biết (%) |
| 1 | Hộ gia đình (246) | 45,1 | 54,9 |
| 2 | Người thu mua RTN (12) | 41,7 | 58,3 |
| 3 | Hộ kinh doanh (60) | 23,3 | 76,7 |
| 4 | Cán bộ quản lý (12) | 58,3 | 41,7 |
| Trung bình | | 42,1 | 57,9 |

Tuy nhận thức về RTN còn nhiều hạn chế, nhưng gần 100% các đối tượng phỏng vấn sẵn lòng sử dụng các sản phẩm khác thân thiện hơn với môi trường nếu có. Đa số (61%) theo họ giá thành sẽ là yếu tố quyết định để sản phẩm thân thiện hơn với môi trường phổ biến đến người

tiêu dùng, tiếp theo (28%) là yếu tố quảng bá giới thiệu để người tiêu dùng biết (Hình 2). Hai yếu tố này có ý nghĩa gợi mở cho các nhà làm chính sách và sản xuất nếu muốn mang các sản phẩm thân thiện với môi trường gần hơn với cộng đồng.



Hình 2. Các yếu tố để sản phẩm thân thiện hơn với môi trường được sử dụng phổ biến

3.2. Đề xuất biện pháp giảm thiểu rác thải nhựa trong sinh hoạt

Công tác phân loại rất cần được phát huy, dù chưa có quy tắc/chế tài nào cụ thể bắt buộc nào về phân loại nhưng rất nhiều hộ gia đình đã có ý thức phân loại (cao hơn so với mức trung bình của nhiều tỉnh trong nghiên cứu của Trần Thu Hương (2019)). Nếu làm tốt công tác này thì lượng rác thải thoát ra môi trường sẽ được hạn chế. Đây là xu hướng rất phù hợp với khoản 5, điều 79 dự thảo Luật bảo vệ Môi trường lần 3 đang được trình quốc hội ngày 10/6/2020. Theo điều này, người xả rác sẽ phải trả tiền một phần kinh phí theo khối lượng phát sinh và các loại chất thải rắn có khả năng tái chế (ví dụ RTN) được phân loại đúng quy định sẽ được miễn nộp kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý.

Nâng cao nhận thức về RTN là việc làm vô cùng cần thiết cho khu vực nghiên cứu khi mà tỷ lệ người không biết về tác hại của rác thải nhựa còn ở mức rất cao, đặc biệt bao gồm cả những nhà làm công tác quản lý môi trường. Các hoạt động tuyên truyền cần được thực hiện thường xuyên hơn thông qua tất cả các phương tiện truyền thông phù hợp với địa phương: lồng ghép trong các cuộc họp tổ dân phố, qua phát thanh công cộng, tờ rơi, áp phích...

Khuyến khích người dân sử dụng các sản phẩm thân thiện hơn với môi trường. Mặc dù giá cả đang là nhân tố gây cản trở các sản phẩm này đến nhiều hơn với người tiêu dùng. Vai trò của các nhà làm chính sách cần được phát huy

hơn nữa, như tạo các ưu đãi (ví dụ thuế) cho ngành phụ liệu và sản xuất các mặt hàng thân thiện hơn với môi trường để yếu tố giá thành không còn quá chi phối mục tiêu bảo vệ sức khoẻ con người và môi trường sinh thái. Ngoài ra việc quảng cáo rộng rãi đến người tiêu dùng cũng đóng vai trò quan trọng.

4. KẾT LUẬN

Ô nhiễm rác thải nhựa (RTN) hay “ô nhiễm trắng” đang là một vấn đề thách thức với các nhà quản lý môi trường tại Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Nghiên cứu về RTN tại sáu phường thuộc thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình cho thấy trung bình người dân thải ra khoảng 14,23 g/người/ngày tương đương khoảng 0,52 kg/người/năm. Trong đó 55% người được hỏi cho rằng túi nilon là RTN họ thải ra nhiều nhất trong ngày, tiếp theo là chai nhựa với hơn 16%, còn lại là cốc nhựa, ống hút, hộp xốp và các sản phẩm khác lần lượt chiếm 11,4; 6,9; 5,7; và 5,3%. Gần 58% người dân có thói quen phân loại rác nhưng mức độ làm thường xuyên chỉ đạt 36,5%. Nhận thức của các đối tượng phỏng vấn về tác hại RTN còn nhiều hạn chế với 58% trả lời không biết. Nghiên cứu cũng chỉ ra giá thành, chiếm 61% người được hỏi lựa chọn, là nhân tố quyết định cho các sản phẩm thân thiện hơn với môi trường có cơ hội thay thế sản phẩm nhựa dùng một lần trong sinh hoạt. Từ những kết quả trên nghiên cứu đưa ra được đề xuất phù hợp với khu vực nghiên cứu cụ thể là công tác tuyên truyền về tác hại của

RTN cần được thực hiện hiệu quả hơn; công tác phân loại RTN và sử dụng các sản phẩm thân thiện hơn với môi trường cần được khuyến khích phát huy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Allsopp, M., A. Walters, D. Santillo, and P. Johnston. 2006. "Plastic Debris in the World's Oceans." In.: Greenpeace.
2. Claudia Campanale, Carmine Massarelli, Ilaria Savino, Vito Locaputo, and Vito Felice Uricchio. 2020. 'A Detailed Review Study on Potential Effects of Microplastics and Additives of Concern on Human Health', *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 17.
3. Engler R E. 2012. "The complex interaction between marine debris and toxic chemicals in the ocean", *Environ. Sci. Technol.*, 46: 12302-15.
4. Hải quan Việt Nam. 2018. "Nhập khẩu phế liệu tăng đột biến." In.: Tổng cục hải quan Việt Nam.
5. Jambeck, Jenna R., Roland Geyer, Chris Wilcox, Theodore R. Siegler, Miriam Perryman, Anthony Andrady, Ramani Narayan, and Kara Lavender Law. 2015. 'Plastic waste inputs from land into the ocean', *Science*, 347: 768.
6. Lahens, Lisa, Emilie Strady, Thuy-Chung Kieu-Le, Rachid Dris, Kada Boukerma, Emmanuel Rinnert, Johnny Gasperi, and Bruno Tassin. 2018. 'Macroplastic and microplastic contamination assessment of a tropical river (Saigon River, Vietnam) transversed by a developing megacity', *Environmental Pollution*, 236: 661-71.
7. Nguyen Phuc Thanh, Matsui Yasuhiro, and Fujiwara Takeshi. 2011. 'Assessment of plastic waste generation and its potential recycling of household solid waste in Can Tho City, Vietnam', *Environmental Monitoring and Assessment*, 175: 23-35.
8. Qi, Ruimin, Davey L. Jones, Zhen Li, Qin Liu, and Changrong Yan. 2020. 'Behavior of microplastics and plastic film residues in the soil environment: A critical review', *Science of The Total Environment*, 703: 134722.
9. Quantis & EA. 2019. "Global Plastic Leak Project kicks off to tackle plastic and microplastic leakage." In. European Network of Ecodesign Centres (ENEC).
10. Trần Thu Hương. 2019. "Nghiên cứu khảo sát hiện trạng chất thải nhựa tại Việt Nam. ." In.: Plastic Smartcities program. WWF.
11. Truong Thanh Hai, and Vu Nam. 2019. 'The Crisis of Plastic Waste in Vietnam is Real', *European Journal of Engineering Research and Science*, 4: 107-11.
12. Vegter, Amanda C., Mário Barletta, Cathy A. Beck, Jose C. Borrero, Harry Burton, Marnie L. Campbell, Monica F. Costa, Marcus Eriksen, Cecilia Eriksson, Andres Estrades, Kirsten V. Gilardi, Britta D. Hardesty, Juliana A. Ivar do Sul, Jennifer L. Lavers, Bojan Lazar, Laurent Lebreton, Wallace J. Nichols, Christine A. Ribic, Peter G. Ryan, Qamar A. Schuyler, Stephen D. A. Smith, Hideshige Takada, Kathy A. Townsend, Colette C. C. Wabnitz, Chris Wilcox, Lindsay C. Young, and Mark Hamann. 2014. 'Global research priorities to mitigate plastic pollution impacts on marine wildlife', *Endangered Species Research*, 25: 225-47.

PROPOSED SOLUTIONS FOR REDUCING HOUSEHOLD PLASTIC WASTE IN HOA BINH CITY, HOA BINH PROVINCE

Duong Thi Bich Ngoc¹, Le Thanh Tung¹

¹*Vietnam National University of Forestry*

SUMMARY

Plastic pollution, also known as “white pollution”, has been recognized as a tough challenge not only in Vietnam but also around the globe. We conducted interviews with a number of informants, including households (246); business households (60); plastic waste collectors (12), and environmental managers (12) who live at six wards in Hoa Binh city, Hoa Binh province. The results show that plastic bags were recognized as the most popular plastic waste generation, following by plastic bottles, cups, straws, foam boxes, and others; on average, about 14.23 g/person/day. Nearly 58% of the respondents were used to separating plastic waste but only 36.5% of them performing it regularly. Almost 58% of the interviewees, including environmental managers even, did not know about the negative impacts of plastic waste, their awareness of this issue was quite limited. To increase the use of biodegradable plastic products in society, about 61% of the interviewees believe that their price needs not to be more expensive than the normal ones. In conclusion, we recommend that propagandizing the harmful impacts of plastic waste, its segregating activities, and the use of biodegradable plastic bags should perform more frequently and effectively.

Keywords: environmental pollution, Hoa Binh, plastic waste, white pollution.

Ngày nhận bài : 23/10/2020
Ngày phản biện : 17/3/2021
Ngày quyết định đăng : 20/3/2021